

Bản án số: 02/2021/HS-ST

Ngày: 07/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Mẫn

Ông Nguyễn Tiến Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Trà – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn N2 Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 192/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1399/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T; Sinh ngày 12 tháng 6 năm 1988 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 519 lô C chung cư C, phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: Không nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông Nguyễn Văn B và bà Lý Thị N; Chưa có vợ, con; Tiền án: 03; Bản án số 54/2010/HSST ngày 22 tháng 4 năm 2010, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp tài sản”, chưa được xóa án tích; Bản án số 376/2012/HSST ngày 05 tháng 11 năm 2012, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, chưa được xóa án tích; Bản án số 269/2015/HSST ngày 04 tháng 8 năm 2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, chưa được xóa án tích; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 30 tháng 8 năm 2020. (Có mặt)

Bị hại: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1998; Địa chỉ cư trú tại: Xóm 4, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Lý Thị N2, sinh năm 1973; Địa chỉ cư trú tại: Số 439/20 đường Đ, Phường MB, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 45 phút ngày 30 tháng 8 năm 2020, Nguyễn Văn T một mình điều khiển xe mô tô hiệu Honda, loại Air Blade màu đen, biển số: 59C1-992.XX lưu thông đến trước nhà số 17 đường T, Phường T, Quận M thì nhìn thấy chị Nguyễn Thị H đang đi bộ qua đường, trên tay chị H có cầm 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng 64GB nên nảy sinh ý định cướp giật, T liền điều khiển xe áp sát từ phía sau, bên phải chị H và dùng tay trái giật chiếc điện thoại di động của chị H đang cầm trên tay rồi điều khiển xe bỏ trốn. Chị H tri hô thì lúc này có các anh Lê Chí Thọ (Công an phường Bến Nghé, Quận 1), anh Trần Bình Nguyên (Công an Phường T, Quận M) và anh Phạm Quốc Hưng (bảo vệ dân phố Phường T, Quận M) phát hiện nên hỗ trợ truy đuổi đến trước nhà số 119 đường Y, Quận M thì bắt giữ được T cùng vật chứng giao Công an Phường T, Quận M lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 thụ lý.

Vật chứng của vụ án: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng 64GB đã thu hồi và trả lại cho bị hại Nguyễn Thị H; chị H yêu cầu xử lý hình sự và không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự. 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Air Blade màu đen, biển số 59C1-992.XX, số khung: RLHJF18087Y5938XX, số máy: JF18E-50939XX qua giám định có số khung, số máy nguyên thủy không thay đổi. Qua xác minh do bà Lý Thị N2 đứng tên sở hữu. Bà N2 có cho Nguyễn Văn T mượn xe để sử dụng làm phương tiện đi lại, việc T sử dụng xe làm phương tiện phạm tội bà N2 không biết. 01 đĩa DVD ghi nhận hình ảnh Nguyễn Văn T thực hiện hành vi cướp giật tài sản, lưu trong hồ sơ vụ án.

Tài liệu, đồ vật thu giữ của Nguyễn Văn T: 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số Imei 1: 355079085556012, Imei 2: 355080085556010. 01 áo thun màu vàng; 01 quần jean màu xanh đã qua sử dụng, là trang phục Nguyễn Văn T mặc khi cướp giật tài sản.

Kết luận định giá số 207/KL-HĐĐGTS ngày 05 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân Quận 1 kết luận: 01 điện thoại di động Iphone X màu trắng 64GB trị giá 7.600.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 203/CT-VKS ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cướp giật tài sản” theo các điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Văn T về tội “Cướp giật tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm h, s khoản 1 Điều 51; các điểm

d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Văn T mức án tù 04 năm 06 tháng đến 05 năm 06 tháng tù; Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị hại yêu cầu xử lý hình sự theo quy định của pháp luật, đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về bồi thường thiệt hại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lý Thị N2 đứng tên sở hữu xe mô tô hiệu Honda, loại Air Blade màu đen, biển số 59C1-992.XX. Bà N2 có cho Nguyễn Văn T mượn xe để sử dụng làm phương tiện đi lại, việc T sử dụng xe làm phương tiện phạm tội bà N2 không biết. Bà Lý Thị N2 có yêu cầu được nhận lại chiếc xe.

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng; Bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên và không tự bào chữa; Bị cáo nói lời sau cùng biết lỗi của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người bị hại và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và vụ án còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ để kết luận, Nguyễn Văn T có 03 tiền án, chưa được xóa án tích đã có hành vi sử dụng xe mô tô làm phương tiện phạm tội, chiếm đoạt 01 điện thoại di động Iphone X màu trắng trị giá 7.600.000 đồng của bị hại rồi nhanh chóng tẩu thoát, đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm và tái phạm nguy hiểm.

[3] Như vậy quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đối với bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cướp giật tài sản” theo các điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân và gây mất trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo đã nhiều lần bị xử lý về hành vi cướp giật tài sản nhưng vẫn không tự cải tạo thành người tốt, vì vậy cần thiết phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật, có một mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về bồi thường thiệt hại: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng của vụ án: 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng đã thu hồi và trả lại cho bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD ghi nhận hình ảnh Nguyễn Văn T thực hiện hành vi cướp giật tài sản. 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Air Blade màu đen, biển số 59C1-992.XX, số khung: RLHJF18087Y5938XX, số máy: JF18E-50939XX do bà Lý Thị N2 đứng tên sở hữu; Xét bà Lý Thị N2 có cho Nguyễn Văn T mượn xe để sử dụng làm phương tiện đi lại, việc T sử dụng xe làm phương tiện phạm tội bà N2 không biết nên cần trả lại cho bà Lý Thị N2. Tài liệu, đồ vật thu giữ của Nguyễn Văn T: 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số Imei 1: 355079085556012, Imei 2: 355080085556010 xét không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho Nguyễn Văn T, tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án. 01 áo thun màu vàng; 01 quần jean màu xanh đã qua sử dụng, là trang phục Nguyễn Văn T mặc khi cướp giật tài sản không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

1. Áp dụng các điểm h, s khoản 1 Điều 51; các điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 05 (Năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30 tháng 8 năm 2020.

2. Áp dụng khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD ghi nhận hình ảnh Nguyễn Văn T thực hiện hành vi cướp giật tài sản.

Trả lại cho bà Lý Thị N2 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Air Blade màu đen, biển số 59C1-992.XX, số khung: RLHJF18087Y5938XX, số máy: JF18E-50939XX.

Trả lại cho Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số Imei 1: 355079085556012, Imei 2: 355080085556010, tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy 01 áo thun màu vàng; 01 quần jean màu xanh.

(Theo Lệnh nhập kho vật chứng số: 185/LNK-Đ ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Công an Quận 1)

3. Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án sơ thẩm có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Trại giam và bị cáo;
- Bị hại; Người CQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Bình